

BIÊN BẢN THANH LÝ HỢP ĐỒNG KIỂM TOÁN

Hôm nay, ngày 29 tháng 3 năm 2018, chúng tôi gồm:

Bên A: CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Địa chỉ : Số 99 Hùng Vương, Cụm tiểu thủ công nghiệp Mỹ Quý, phường Mỹ Quý,
TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang
Mã số thuế : 1600513044
Người đại diện : **Ông Nguyễn Thanh Sơn**
Chức vụ : Tổng Giám đốc

Bên B: CÔNG TY TNHH PKF VIỆT NAM – CHI NHÁNH TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ : Số 28 Nguyễn Thị Diệu, phường 06, quận 03, Thành phố Hồ Chí Minh
Mã số thuế : 0313440640-001
Người đại diện : **Ông Trương Quang Trung**
Chức vụ : Giám đốc

Hai bên nhất trí cùng tiến hành thanh lý Hợp đồng kiểm toán số 061/2017/HĐKT/PKF.HCMC - NTACO giữa Công Ty Cổ Phần Ntaco và Công ty TNHH PKF Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh về việc kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017 của Công Ty Cổ Phần Ntaco với những nội dung sau đây:

1. Các bên đã thực hiện đúng trách nhiệm của mình theo những cam kết trong hợp đồng.
2. Trong quá trình thực hiện hợp đồng không có vấn đề gì lớn phát sinh, ảnh hưởng tới công việc kiểm toán đã được ký kết giữa hai bên. Hợp đồng đã được thực hiện đúng như thoả thuận, Bên B đã hoàn thành và giao đủ báo cáo kiểm toán, Biên bản nghiệm thu báo cáo kiểm toán, hóa đơn tài chính cho Bên A.
3. Phí kiểm toán Bên A phải thanh toán cho Bên B như sau:
Phí kiểm toán theo hợp đồng số 061/2017/HĐKT/PKF.HCMC-NTACO : 77,000,000 đồng
Phí kiểm toán Bên A đã thanh toán cho Bên B: 35,000,000 đồng
Phí dịch vụ Bên A còn phải thanh toán cho Bên B: 42,000,000 đồng

(Bằng chữ: Bốn mươi hai triệu đồng chẵn.).

Bên A sẽ chuyển toàn bộ phí dịch vụ cho Bên B theo tài khoản sau:

Tên tài khoản: Công ty TNHH PKF Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Tài khoản số: 0400 1010 077 417 tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Biên bản thanh lý hợp đồng này được lập thành 02 bản tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 01 bản, bên B giữ 01 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A



NGUYỄN THANH SƠN

ĐẠI DIỆN BÊN B



TRƯƠNG QUANG TRUNG

**Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017**

**Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017**

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Hội đồng quản trị	1 – 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 – 5
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
- Bảng cân đối kế toán	6 – 9
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11 – 12
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính	13 – 37

M.S.C.N-02
THAN
160
CÔ
NT
ONG XU

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Ntaco (sau đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đề trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán đính kèm của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Ntaco là công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở chuyển đổi hình thức sở hữu vốn từ Công ty TNHH Tuấn Anh – Thành lập theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 5202000016 ngày 15 tháng 8 năm 2000 và Giấy phép kinh doanh thay đổi lần thứ chín ngày 30 tháng 12 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp.

Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1600513044 ngày 11 tháng 4 năm 2007. Trong quá trình hoạt động Công ty đã 07 lần được cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi về người đại diện theo pháp luật.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 191.999.980.000 đồng tương đương 11.999.998 cổ phần.

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 26 tháng 8 năm 2009 với mã chứng khoán là ATA. Tại ngày 06 tháng 02 năm 2017, Công ty đã chính thức bị hủy niêm yết trên thị trường chứng khoán theo Quyết định số 05/QĐ-SGDHCM ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Sở giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh. Sau đó, Công ty được Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội chấp thuận cho đăng ký giao dịch từ ngày 08 tháng 02 năm 2017 với mã chứng khoán ATA. Tuy nhiên cổ phiếu Công ty đã bị hạn chế giao dịch từ ngày 17 tháng 02 năm 2017.

2. Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Thanh Sơn	Chủ tịch	03/11/2015	-
Ông Hồ Mạnh Dũng	Thành viên	03/11/2015	19/01/2018
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên	03/11/2015	19/01/2018
Ông Trần Minh Trọng	Thành viên	23/06/2017	-
Bà Lê Thị Phương Thảo	Thành viên	23/06/2017	-
Ông Nguyễn Quốc Cường	Thành viên	23/06/2017	-
Ông Lý Vĩ Phát	Thành viên	23/06/2017	-

Các thành viên của Ban kiểm soát của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Sơn Ngọc Thành	Trưởng ban	23/06/2017	-
Bà Cao Tuyết Lan	Thành viên	23/06/2017	-
Ông Nguyễn Hữu Đông	Thành viên	29/04/2014	-

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Thanh Sơn	Tổng Giám đốc	03/11/2015	09/06/2017
Bà Lê Thị Phương Thảo	Tổng Giám đốc	09/06/2017	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bà Nguyễn Thị Dung	Phó Tổng Giám đốc	28/11/2011	-
Bà Huỳnh Thị Tuyết Trinh	Phó Tổng Giám đốc	15/12/2015	17/05/2017
Ông Lý Vĩ Phát	Phó Tổng Giám đốc	15/12/2015	-

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Quốc tịch
Ông Nguyễn Thanh Sơn	Chủ tịch Hội đồng quản trị	Việt Nam

3. Trụ sở

Trụ sở chính của Công ty tại số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán đính kèm.

Ngoài ra trong năm hoạt động chủ yếu của Công ty là cho thuê nhà xưởng sản xuất. Hoạt động gia công cá fillet cho đối tác đã tạm ngưng do không có nguồn nguyên liệu. Tuy nhiên, Công ty đang tiến kế hoạch tái khởi động lại hoạt động sản xuất trong năm tới. Trong đó, tập trung vào hoạt động gia công và xuất khẩu mặt hàng chủ lực là cá tra fillet.

5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Đến ngày lập báo cáo này, Hội đồng quản trị Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

6. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam đã được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty.

7. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty có trách nhiệm công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC, ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

8. Ý kiến của Hội đồng quản trị

Theo ý kiến của Hội đồng quản trị của Công ty, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt cho Hội đồng quản trị,



Ông Nguyễn Thanh Sơn
Chủ tịch

An Giang, ngày 30 tháng 03 năm 2018



Số. 85/2018/BCKT-PKF.HCMC

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2018

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Ntaco, được lập ngày 30 tháng 03 năm 2018, từ trang 06 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Ntaco chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty đã nhận được kết quả Bán án sơ thẩm liên quan đến vụ kiện cho khoản vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh An Giang và Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam – Chi nhánh An Giang. Theo đó, Công ty phải có nghĩa vụ chi trả nợ gốc, lãi đến hạn và lãi quá hạn với tổng số tiền lần lượt là 40.417.466.700 VND và 3.086.295.981 VND.

Bên cạnh đó, tòa án tỉnh An Giang cũng đang thụ lý đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang về các khoản vay của Công ty tại ngân hàng này. Tuy nhiên, vẫn chưa có quyết định chính thức của tòa về thời gian giải quyết vụ kiện.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 Công ty tiếp tục lỗ lũy kế là 581.016.318.662 VND. Ngoài ra tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn 495.692.888.898 VND. Trong đó, một số hợp đồng vay ngắn hạn đã quá hạn thanh toán và chúng tôi chưa thu thập các thỏa thuận cho phép gia hạn các khoản vay nói trên, và chúng tôi cũng chưa thu thập được các bằng chứng liên quan đến việc gia hạn các khoản nợ.

Theo đó, giả định hoạt động liên tục khi lập Báo cáo tài chính của Công ty bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Nhưng do tính chất phức tạp của các vụ kiện nêu trên nên chúng tôi chưa đủ thông tin để đánh giá liệu Công ty có bị buộc ngừng hoạt động do nghĩa vụ và trách nhiệm pháp lý liên quan.

Như đã nêu tại thuyết minh số 5.8, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã nhận định giá trị tài sản của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là trên 600.000.000.000 đồng. Với nhận định trên, Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng và cơ sở thích hợp để đánh giá tính hợp lý và phù hợp của việc nhận định này.

Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về cơ sở lập báo cáo tài chính theo giả định hoạt động liên tục của báo cáo tài chính đính kèm.

Vấn đề khác

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, vấn đề về các khoản nợ phải thu và phải trả chưa thu thập được bằng chứng chứng minh cho tính hiện hữu và chính xác được ghi nhận trong Báo cáo kiểm toán cho Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được Công ty xử lý theo Nghị quyết số 03/2018/NQ-ĐHĐCĐ-ATA ngày 19 tháng 01 năm 2018 (xem thuyết minh số 5.18.3 và 6.6). Đồng thời Công ty đã thực hiện trích lập đầy đủ các khoản lãi vay và dự phòng nợ phải thu khó đòi trong năm.

**Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH PKF Việt Nam**



Trương Quang Trung

Giám đốc Chi nhánh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1752-2018-242-1



Phạm Thị Anh Khoa

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1521-2018-242-1

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.260.985.635	122.448.318.908
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	111.983.306	706.681.689
Tiền	111		111.983.306	706.681.689
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		723.164.847	121.674.597.536
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	6.443.338.378	155.990.967.027
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	508.748.374	69.530.364.274
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	-	10.480.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	1.095.245.453	5.004.018.660
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.7	(7.489.944.925)	(119.496.529.992)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		165.777.567	165.777.567
Hàng tồn kho	140		-	-
Hàng tồn kho	141		-	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		425.837.482	67.039.683
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
Thuế GTGT được khấu trừ	152		425.837.482	67.039.683
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		34.676.550.236	42.968.691.701
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	153.989.898
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216	5.6	-	307.979.796
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	(153.989.898)
Tài sản cố định	220		34.676.550.236	42.499.550.186
Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	31.193.130.236	39.016.130.186
- Nguyên giá	222		110.663.265.916	114.989.901.825
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(79.470.135.680)	(75.973.771.639)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	5.9	3.483.420.000	3.483.420.000
- Nguyên giá	228		3.483.420.000	3.483.420.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5.2	1.335.000.000	1.335.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.335.000.000)	(1.335.000.000)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		-	315.151.617
Chi phí trả trước dài hạn	261		-	315.151.617
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
CỘNG TÀI SẢN	270		35.937.535.871	165.417.010.609

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
NỢ PHẢI TRẢ	300		499.106.948.114	464.807.040.598
Nợ ngắn hạn	310		499.106.948.114	464.807.040.598
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	8.142.590.575	10.257.597.470
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.11	67.227.930	1.136.276.190
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	3.020.913.254	572.085.749
Phải trả người lao động	314		470.067.500	1.006.927.000
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	161.691.631.437	102.285.141.707
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	649.090.034	24.483.585.098
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.15	324.824.798.044	324.824.798.044
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	5.16	240.629.340	240.629.340
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
Nợ dài hạn	330		-	-
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337		-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(463.169.412.243)	(299.390.029.989)
Vốn chủ sở hữu	410	5.17	(463.169.412.243)	(299.390.029.989)
Vốn góp của chủ sở hữu	411		119.999.980.000	119.999.980.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		119.999.980.000	119.999.980.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	5.17	(583.169.392.243)	(419.390.009.989)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		(419.390.009.989)	(419.390.009.989)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm hiện hành	421b		(163.779.382.254)	-
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
CỘNG NGUỒN VỐN	440		35.937.535.871	165.417.010.609

An Giang, ngày 30 tháng 03 năm 2018



TRẦN MINH TRỌNG
Kế toán trưởng

NGUYỄN THANH SƠN
Chủ tịch Hội đồng quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

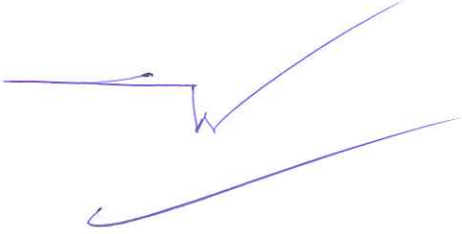
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết Minh	2017	2016
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		5.683.946.697	60.761.511.459
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	5.683.946.697	60.761.511.459
Giá vốn hàng bán	11	6.2	9.796.512.305	50.091.449.777
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(4.112.565.608)	10.670.061.682
Doanh thu hoạt động tài chính	21		2.117.017	7.124.443
Chi phí tài chính	22	6.3	59.406.489.730	29.264.358
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		59.406.489.730	-
Chi phí bán hàng	25	6.4	-	82.413.749
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	8.029.253.281	8.995.113.123
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(71.546.191.602)	1.570.394.895
Thu nhập khác	31	6.6	28.477.218.217	1.825.387.472
Chi phí khác	32	6.7	120.710.408.869	1.987.723.239
Lợi nhuận khác	40		(92.233.190.652)	(162.335.767)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(163.779.382.254)	1.408.059.128
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.12	-	(67.987.284)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(163.779.382.254)	1.476.046.412
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	(13.648)	123

An Giang, ngày 30 tháng 03 năm 2018



TRẦN MINH TRỌNG
Kế toán trưởng



NGUYỄN THANH SƠN
Chủ tịch Hội đồng quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Đơn vị: VND

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

CHỈ TIÊU	Mã số	2017	2016
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	(163.779.382.254)	1.408.059.128
Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02	6.234.583.518	6.517.252.084
- Các khoản dự phòng, (hoàn nhập)	03	1.794.251.284	29.264.358
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	-
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	1.563.870.977	1.029.848.600
- Chi phí lãi vay	06	59.406.489.730	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(94.780.186.745)	8.984.424.170
- (Tăng)/ Giảm các khoản phải thu	09	118.952.373.504	(11.925.673.550)
- (Tăng), giảm hàng tồn kho	10	-	-
- Tăng/ (giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(25.106.582.214)	1.893.312.556
- (Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	315.151.617	140.702.383
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(619.243.838)	(907.234.441)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	-	-
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	24.545.455	122.727.273
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	24.545.455	122.727.273
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
Tiền thu từ đi vay	33	-	-
Tiền trả nợ gốc vay	34	-	-
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài	40	-	-

Báo cáo tài chính này phải được đọc chung với thuyết minh đính kèm

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

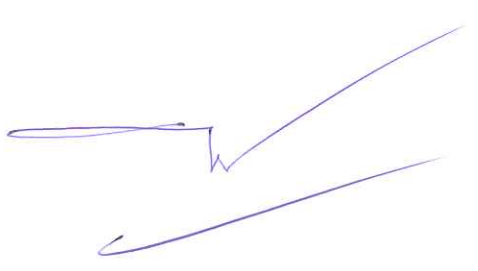
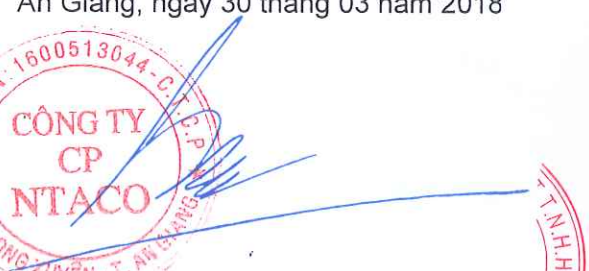
(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị: VND

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

CHỈ TIÊU	Mã số	2017	2016
chính			
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM (50 = 20 + 30 + 40)	50	(594.698.383)	(784.507.168)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	60	706.681.689	1.491.188.857
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM (70 = 50 + 60 + 61)	70	111.983.306	706.681.689

An Giang, ngày 30 tháng 03 năm 2018


TRẦN MINH TRỌNG
Kế toán trưởng
NGUYỄN THANH SƠN
Chủ tịch Hội đồng quản trị

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Ntaco là công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở chuyển đổi hình thức sở hữu vốn từ Công ty TNHH Tuấn Anh – Thành lập theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 5202000016 ngày 15 tháng 8 năm 2000 và Giấy phép kinh doanh thay đổi lần thứ chín ngày 30 tháng 12 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp.

Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1600513044 ngày 11 tháng 4 năm 2007. Trong quá trình hoạt động Công ty đã 07 lần được cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi về người đại diện theo pháp luật.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 191.999.980.000 đồng tương đương 11.999.998 cổ phần.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Chế biến thủy sản, chế biến và kinh doanh phụ phẩm bột, xương cá, mỡ cá;
- Nuôi cá;
- Mua bán cá và thủy sản;
- Sản xuất thức ăn chăn nuôi;
- Chế biến mua bán nông sản;
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm, thức ăn thủy sản;
- Xay xát và sản xuất bột thô.

Trong năm, hoạt động chính của Công ty là chế biến thủy sản, chế biến và kinh doanh phụ phẩm bột, xương cá và mỡ cá.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang, Việt Nam.

Ngoài ra, Công ty có hai đơn vị trực thuộc là Xí nghiệp Chế biến thức ăn thủy sản Việt Thái tọa lạc tại tổ 18, Quốc lộ 91, ấp Bình An I, xã An Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang và Nhà máy bao bì Vạn Lợi tọa lạc tại số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2017, tổng số cán bộ nhân viên Công ty là 13 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 25 người).

Các sự kiện quan trọng trong năm tài chính

Trong năm, Công ty đã xin ý kiến của Đại hội đồng cổ đông về việc xử lý các khoản công nợ phải thu khách hàng, ứng trước cho người bán, cho vay ngắn hạn,... và Công ty đã tiến hành xử lý làm cho kết quả hoạt động kinh doanh biến động đột biến so với năm trước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2017/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Báo cáo tài chính được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

Các chính sách kế toán đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

4.1 Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn), vàng, bạc, kim khí quý, đá quý và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.3 Đầu tư

Các khoản đầu tư tài chính được kế toán theo phương pháp giá gốc. Công ty chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty/Công ty mẹ nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- (i) Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 90 ngày kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- (ii) Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 (một) năm hoặc trong 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- (iii) Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 (một) năm hoặc trên 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn (các khoản đầu tư tài chính dài hạn).

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn:

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư cổ phiếu, góp vốn vào các đơn vị khác với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của công ty nhận đầu tư, các khoản cho vay và đầu tư dài hạn khác. Các khoản đầu tư này được phản ánh theo giá gốc.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Việc trích lập và hoàn nhập các khoản dự phòng giảm giá đầu tư được thực hiện theo Thông tư 228/2009/TT-BTC ban hành ngày 07/12/2009 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung Thông tư 228/2009/TT-BTC ban hành ngày 07/12/2009.

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán từ 1 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc kỳ tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).

4.5 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn bao gồm công cụ dụng cụ, giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ (có giá trị nhỏ hơn 30 triệu đồng), chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

4.6 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, chi tiết như sau:

	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	06 – 45
Máy móc và thiết bị	08 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08

4.7 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Quyền sử dụng đất của Công ty là quyền sử dụng đất vô thời hạn không tính khấu hao.

4.8 Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải trả cho nhà cung cấp của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán từ 1 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

4.9 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ kế toán, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc kỳ tài chính. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.10 Tiền lương

Tiền lương phân bổ vào chi phí trong năm được căn cứ vào mức lương, các khoản lương khoán theo năng suất và phụ cấp đã được thỏa thuận trên Hợp đồng lao động và Thỏa ước lao động tập thể.

4.11 Các khoản trích theo lương

Bảo hiểm xã hội được trích trên tiền lương căn bản theo hợp đồng lao động vào chi phí là 17,5% và trừ lương cán bộ công nhân viên là 8%.

Bảo hiểm y tế được trích trên lương căn bản vào chi phí là 3% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1,5%.

Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên lương căn bản vào chi phí là 1% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1%.

Kinh phí công đoàn được trích trên lương căn bản vào chi phí là 2%.

4.12 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

4.13 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.14 Doanh thu, thu nhập

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

4.15 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong năm trừ khi chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa). Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

4.16 Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)

Công ty áp dụng thuế suất thuế GTGT là 0%, 5% và 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Các loại thuế khác

Theo quy định hiện hành của Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

4.17 Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1 Tiền**

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Tiền mặt	90.660.266	612.090.571
Tiền gửi ngân hàng	21.323.040	94.591.118
Cộng	111.983.306	706.681.689

5.2 Các khoản đầu tư tài chính**Đầu tư tài chính dài hạn**

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty chỉ bao gồm khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

	31/12/2017			01/01/2017		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào đơn vị khác						
Công ty Cổ phần Âu Việt (*)	1.335.000.000	(1.335.000.000)	-	1.335.000.000	(1.335.000.000)	-
Cộng	1.335.000.000	(1.335.000.000)	-	1.335.000.000	(1.335.000.000)	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

- (*) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và đăng ký thuế số 1501406567 ngày 27 tháng 10 năm 2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 05 tháng 05 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Âu Việt 1.335.000.000 VND, tương đương 15% vốn điều lệ.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn

Biến động trong năm của dự phòng đầu tư tài chính là như sau:

	2017 VND	2016 VND
Số đầu năm	1.335.000.000	1.305.735.642
Trích bổ sung dự phòng trong năm	-	29.264.358
Số cuối năm	1.335.000.000	1.335.000.000

5.3 Phải thu khách hàng ngắn hạn

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Phải thu bên liên quan	-	-
Phải thu các khách hàng khác	6.443.338.378	155.990.967.027
<u>Các đối tượng không tìm thấy hồ sơ chứng minh công nợ</u>	-	34.220.611.782
Khách vắng lai (*)	-	16.035.300.098
Vùng nuôi sinh thái Công ty (*)	-	14.365.311.684
Vùng nuôi thủy sản Công ty (*)	-	3.820.000.000
<u>Các khách hàng khác</u>	<u>6.443.338.378</u>	<u>121.770.355.245</u>
Công ty Binca Seafoods GMBH	-	76.317.612.833
Pescados P.C.S., S.L	-	10.816.638.310
Global Tradings Ltd	4.182.076.555	4.182.076.555
Công ty TNHH Mekong	577.500.165	577.500.165
Camarones Pena Blanca S.A. De C.V.	-	958.304.089
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu thủy sản Vietfish	221.415.000	221.415.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa quốc gia I.D.I	39.517.569	39.517.569
Công ty TNHH Thủy sản Panga Mekong	-	39.818.666
Cao Văn Giàu	-	12.135.000.000
Ngô Thanh Liêm	-	10.891.244.000
Công ty TNHH Thủy Sản Biển Đông	-	2.031.252.166
Các khách hàng khác	1.422.829.089	3.559.975.892
Cộng	6.443.338.378	155.990.967.027

- (*) Các khoản công nợ không có đối tượng.

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Trả trước cho người bán khác	508.748.374	-	69.530.364.274	(34.333.421.932)
<u>Các đối tượng không tìm thấy hồ sơ chứng minh công nợ</u>	-	-	<u>68.666.843.861</u>	<u>(34.333.421.932)</u>
Ngô Thanh Liêm	-	-	47.679.641.787	(23.839.820.894)
Cao Văn Giàu	-	-	5.666.267.593	(2.833.133.797)
Nguyễn Thành Long	-	-	5.000.000.000	(2.500.000.000)
Nguyễn Thành Công	-	-	7.832.127.990	(3.916.063.995)
Vùng nuôi thủy sản Công ty (*)	-	-	2.488.806.491	(1.244.403.246)
<u>Các đối tượng khác</u>	<u>508.748.374</u>	<u>-</u>	<u>863.520.413</u>	<u>-</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa quốc gia I.D.I	177.969.960	-	177.969.960	-
Trung tâm Đào tạo và Xúc tiến Thương mại Vasep	84.463.227	-	84.463.227	-
Các nhà cung cấp khác	246.315.187	-	601.087.226	-
Cộng	508.748.374	-	69.530.364.274	(34.333.421.932)

5.5 Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Phải thu bên liên quan	-	-
Phải thu các cá nhân khác	-	10.480.000.000
Bà Trịnh Thị Kim Sang	-	2.000.000.000
Bà Lê Thị Phụng	-	1.600.000.000
Ông Lâm Hồng Nam	-	1.500.000.000
Bà Lê Thị Lệ Thủy	-	1.500.000.000
Bà Trần Thị Bích Ngọc	-	1.200.000.000
Bà Lâm Thị Phượng	-	1.000.000.000
Bà Trương Thị Bảy	-	1.000.000.000
Ông Nguyễn Văn Hiền	-	600.000.000
Ông Trần Văn Sê	-	80.000.000
Cộng	-	10.480.000.000

Các khoản cho cá nhân vay với lãi suất với 1,2%/tháng. Các khoản cho vay này chưa có hợp đồng vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**5.6 Phải thu khác****5.6.1 Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu các bên liên quan	-	-	860.000.000	-
Nguyễn Thanh Sơn	-	-	860.000.000	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	1.095.245.453	(818.590.223)	4.144.018.660	(365.764.219)
Các khoản phải thu không tìm thấy hồ sơ chứng minh công nợ	-	-	3.007.928.437	(365.764.219)
Tạm ứng nhân viên	244.153.997	(233.653.997)	263.153.997	-
Trịnh Ngọc Minh	266.155.230	-	-	-
Các khoản khác	584.936.226	(584.936.226)	872.936.226	-
Cộng	1.095.245.453	(818.590.223)	5.004.018.660	(365.764.219)

5.6.2 Phải thu dài hạn khác

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu các bên liên quan	-	-	-	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	-	-	307.979.796	(153.989.898)
Ký cược, ký quỹ	-	-	307.979.796	(153.989.898)
Cộng	-	-	307.979.796	(153.989.898)

5.7 Dự phòng phải thu ngắn/dài hạn khó đòi

Dự phòng phải thu ngắn/dài hạn khó đòi tại ngày 31/12/2017 như sau:

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Dự phòng phải thu khách hàng khó đòi	6.421.407.153	79.557.343.841
Dự phòng trả trước cho người bán	249.947.549	34.333.421.932
Dự phòng cho vay ngắn hạn khó đòi	-	5.240.000.000
Dự phòng phải thu khác khó đòi	818.590.223	519.754.117
Cộng	7.489.944.925	119.650.519.890

Biến động trong năm của dự phòng phải thu ngắn/dài hạn khó đòi là như sau:

	2017	2016
	VND	VND
Số đầu năm	119.650.519.890	119.650.519.890
Xóa dự phòng trong năm	(113.954.826.249)	-
Dự phòng bổ sung trong năm	1.794.251.284	-
Số cuối năm	7.489.944.925	119.650.519.890

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.8 Tình hình tăng/giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Tại 01/01/2017	42.706.811.823	70.072.320.720	1.083.922.198	1.126.847.084	114.989.901.825
Giảm khác	2.508.414.096	831.174.287	504.758.562	482.288.964	4.326.635.909
Tại 31/12/2017	40.198.397.727	69.241.146.433	579.163.636	644.558.120	110.663.265.916
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	406.189.964	29.021.971.883	-	569.506.172	29.997.668.019
Giá trị hao mòn					
Tại 01/01/2017	19.956.893.945	54.057.124.437	854.973.093	1.104.780.164	75.973.771.639
Khấu hao trong năm	2.279.665.865	3.842.592.789	91.073.427	21.251.437	6.234.583.518
Giảm khác	1.112.227.658	694.765.541	448.937.314	482.288.964	2.738.219.477
Tại 31/12/2017	21.124.332.152	57.204.951.685	497.109.206	643.742.637	79.470.135.680
Giá trị còn lại					
Tại 01/01/2017	22.749.917.878	16.015.196.283	228.949.105	22.066.920	39.016.130.186
Tại 31/12/2017	19.074.065.575	12.036.194.748	82.054.430	815.483	31.193.130.236

Toàn bộ tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 31.193.130.236 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh An Giang.

Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Công ty giá trị tài sản của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là trên 600.000.000.000 đồng bao gồm: Giá trị nhà xưởng, nhà máy đông lạnh, quyền sử dụng đất khu công nghiệp (xem thuyết minh 5.9) với diện tích khoảng 27.000 m² khu nhà văn phòng, nhà kho, hàng hóa và máy móc thiết bị hiện có. Trong tương lai, Công ty sẽ tiến hành thuê dịch vụ chuyên nghiệp để định giá lại tài sản để làm cơ sở đánh giá lại toàn bộ tài sản thuộc sở hữu của Công ty.

5.9 Tình hình tăng/giảm tài sản cố định vô hình

Là giá trị quyền sử dụng đất vô thời hạn.

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Tại ngày 01/01/2017	3.483.420.000	-	3.483.420.000
Tại ngày 31/12/2017	3.483.420.000	-	3.483.420.000

5.10 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Phải trả bên liên quan	126.000.000	2.580.440.625
Bà Nguyễn Thị Dung	-	2.580.440.625
Bà Đinh Thị Phương Thùy	96.000.000	-
Công ty Cổ phần Thu nợ Dân An - Chi nhánh Hồ Chí Minh	30.000.000	-
Phải trả các nhà cung cấp khác	8.016.590.575	7.677.156.845
Công ty Cổ phần Thủy sản Gentraco	873.459.321	873.459.321
Công ty Cổ phần Âu Việt	6.000.000.000	6.000.000.000
Các nhà cung cấp khác	1.143.131.254	803.697.524
Cộng	8.142.590.575	10.257.597.470

Báo cáo tài chính này phải được đọc chung với thuyết minh đính kèm

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.11 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Trả trước của các bên liên quan	-	-
Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	67.227.930	1.136.276.190
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm An Giang	67.227.930	67.227.930
Các khách hàng khác	-	427.087.500
Các khách hàng không tìm thấy hồ sơ chứng minh công nợ	-	641.960.760
Cộng	67.227.930	1.136.276.190

5.12 Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước

	01/01/2017 VND	Số phát sinh trong năm Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	31/12/2017 VND
Thuế GTGT phải nộp	129.116.477	808.301.565	(129.116.477)	808.301.565
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	28.536.450	-	(28.536.450)	-
Thuế tài nguyên	1.800.000	4.200.000	(4.800.000)	1.200.000
Tiền thuê đất	398.283.480	796.566.960	(398.283.480)	796.566.960
Thuế môn bài	-	5.000.000	(5.000.000)	-
Các loại thuế khác	14.349.342	1.414.844.729	(14.349.342)	1.414.844.729
Cộng	572.085.749	3.028.913.254	(580.085.749)	3.020.913.254

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng

như sau:

Hàng hóa xuất khẩu	: 0%
Gia công	: 5%
Hàng hóa tiêu thụ nội địa	: 10%
Cá fillet và phụ phẩm cá tươi	: Không chịu thuế

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 52121000085 của UBND tỉnh An Giang ký ngày 10 tháng 10 năm 2007, đối với dự án Chế biến thức ăn thủy sản Việt Thái thì Công ty được áp dụng thuế suất thuế TNDN là 15% cho 12 năm và miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 03 năm đầu, và giảm 50% cho 07 năm tiếp theo.

Các thu nhập từ hoạt động khác chịu thuế suất theo thuế suất phổ thông.

Công ty xác định trong năm 2017 không phát sinh nghĩa vụ thuế thu nhập doanh nghiệp.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

5. 13 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Chi phí lãi vay phải trả	161.691.631.437	102.285.141.707
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang	118.535.492.447	70.316.370.363
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh An Giang	11.637.466.667	3.610.335.972
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh An Giang	28.001.928.746	25.429.302.689
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh An Giang	2.074.770.467	2.074.770.467
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh An Giang	1.441.973.110	854.362.216
Cộng	161.691.631.437	102.285.141.707

5. 14 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Phải trả bên liên quan	482.230.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Việt Nhật	482.230.000	-
Phải trả ngắn hạn khác	166.860.034	24.483.585.098
Kinh phí công đoàn	-	30.247.360
Các khoản bảo hiểm trích theo lương	18.974.488	444.325.367
Công ty Cổ phần Châu Á (*)	-	20.924.157.611
Các khoản phải trả khác	147.885.546	3.084.854.760
Cộng	649.090.034	24.483.585.098

(*) Số tiền phải trả Công ty Cổ phần Châu Á do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang thực hiện phát mãi tài sản bảo lãnh của bên thứ ba – Công ty Cổ phần Châu Á - cho khoản vay của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

5. 15 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan	-	-	-	-
Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	324.824.798.044	-	324.824.798.044	-
Vay ngắn hạn ngân hàng	323.824.798.044	-	323.824.798.044	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang ⁽ⁱ⁾	236.613.778.977	-	236.613.778.977	-
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh An Giang ⁽ⁱⁱ⁾	28.780.000.000	-	28.780.000.000	-
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh An Giang ⁽ⁱⁱⁱ⁾	53.317.842.389	-	53.317.842.389	-
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh An Giang ^(iv)	3.512.715.551	-	3.512.715.551	-
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh An Giang ^(v)	1.600.461.127	-	1.600.461.127	-
Vay ngắn hạn các cá nhân Ông Dương Thái Nguyên ^(vi)	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
Cộng	324.824.798.044	-	324.824.798.044	-

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang theo hợp đồng hạn mức tín dụng 201/2010/NHNT.AG ngày 15 tháng 6 năm 2010 và các hợp đồng cho vay từng lần (đính kèm theo hợp đồng 201/2010/NTNT.AG) với mục đích cho vay bổ sung vốn lưu động. Lãi suất vay theo từng khế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất nhà máy, văn phòng làm việc và máy móc thiết bị.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh An Giang theo hợp đồng tín dụng số 47/2013/HĐTD ngày 22 tháng 5 năm 2013. Hạn mức cho vay là 50 tỷ đồng, thời gian vay tính theo từng giấy nhận nợ và tối đa là 6 tháng. Mục đích vay bổ sung vốn phục vụ sản xuất, kinh doanh chế biến. Lãi suất theo từng giấy nhận nợ. Hình thức đảm bảo là quyền sở hữu công trình xây dựng, máy móc, thiết bị.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh An Giang theo hợp đồng số 48/2014/HĐTDXH.SĐ-NPPT-ĐT.AG, ngày 19 tháng 5 năm 2014. Tài sản đảm bảo là tài sản gắn liền với đất, cầm cố sổ dư tiền gửi và lãi phát sinh từ các hợp đồng tiền gửi, bao gồm: tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba là Công ty Cổ phần Châu Á. Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 02/2011/HĐTCQSĐTS-NHPT. Cầm cố sổ dư tiền gửi của Công ty Cổ phần Ntaco tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam. Cầm cố lãi tiền gửi phát sinh từ các hợp đồng tiền gửi được tính bổ sung vào giá trị tài sản đảm bảo.
- (iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh An Giang theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 068/2010/HĐTD-DN.LX ngày 20 tháng 05 năm 2010 và các hợp đồng sửa đổi cấp hạn mức tín dụng. Mục đích bổ sung vốn lưu động. Lãi suất theo từng lần nhận nợ. Hình thức bảo đảm tiền vay là hàng tồn kho cá thành phẩm.
- (v) Khoản vay ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh An Giang (VIB) theo hợp đồng tín dụng nguyên tắc số 0015/HDDTN2-VIB621/1.1 ngày 16 tháng 3 năm 2011 và các phụ lục hợp đồng. Mục đích bổ sung vốn lưu động kinh doanh cá tra, basa fillet xuất khẩu. Lãi suất vay theo từng thời điểm nhận nợ. Hình thức bảo đảm là hàng tồn kho luân chuyển

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

là các loại cá tra fillet thành phẩm đủ tiêu chuẩn xuất khẩu được bảo quản tại kho 1 và kho 2 của công ty tọa lạc tại số 99 Hùng Vương, KCN phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang và dây chuyền thiết bị đồng bộ sản xuất bột cá từ phế phẩm cá tra, basa.

- (vi) Khoản vay Ông Dương Thái Nguyên không có tài sản đảm bảo với lãi suất 1%/tháng, thời hạn vay 12 tháng.

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2017, Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh An Giang đã tiến hành các thủ tục khởi kiện Công ty về các khoản nợ vay quá hạn chưa thanh toán. Hiện tại, các vụ kiện đã được tòa án tỉnh An Giang thụ lý và đang chờ thời điểm xét xử. Bên cạnh đó, tòa án tỉnh An Giang cũng đang thụ lý đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang về các khoản vay của Công ty tại ngân hàng này. Tuy nhiên, vẫn chưa có quyết định chính thức của tòa về thời gian giải quyết vụ kiện.

Tình hình biến động các khoản vay ngắn hạn như sau:

	01/01/2017 VND	Vay trong năm VND	Trả nợ vay trong năm VND	31/12/2017 VND
Vay ngân hàng	323.824.798.044	-	-	323.824.798.044
Vay cá nhân	1.000.000.000	-	-	1.000.000.000
Cộng	324.824.798.044	-	-	324.824.798.044

5. 16 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	01/01/2017 VND	Trích lập quỹ VND	Chi quỹ trong năm VND	31/12/2017 VND
Quỹ khen thưởng	237.711.277	-	-	237.711.277
Quỹ phúc lợi	2.918.063	-	-	2.918.063
Cộng	240.629.340	-	-	240.629.340

5. 17 Vốn chủ sở hữu**5.17.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số đầu năm trước	119.999.980.000	(420.866.056.401)	(300.866.076.401)
Lợi nhuận trong năm trước	-	1.476.046.412	1.476.046.412
Số cuối năm trước	119.999.980.000	(419.390.009.989)	(299.390.029.989)
Số đầu năm nay	119.999.980.000	(419.390.009.989)	(299.390.029.989)
Lợi nhuận trong năm nay	-	(163.779.382.254)	(163.779.382.254)
Số cuối năm nay	119.999.980.000	(583.169.392.243)	(463.169.412.243)

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**5.17.2 Cổ phiếu**

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.999.998	11.999.998
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.999.998	11.999.998
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	11.999.998	11.999.998
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.999.998	11.999.998
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	11.999.998	11.999.998

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phiếu.

5. 18 Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**5.18.1 Tài sản nhận giữ hộ**

	31/12/2017	01/01/2017
Thành phẩm gia công cho Công ty TNHH Thủy sản Biển Đông – Cá basa phi-lê (kg)	-	126.576,74

5.18.2 Ngoại tệ các loại

	31/12/2017	01/01/2017
Dollar Mỹ (USD)	363,88	559,35
Euro (EUR)	-	255,55

5.18.3 Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2017	01/01/2017
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	147.172.849.190	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	10.480.000.000	-
Trả trước cho người bán ngắn hạn	68.666.843.861	-
Phải thu ngắn hạn khác	3.295.928.437	-
Phải thu dài hạn khác	307.979.796	-

Trong năm, Công ty đã xóa nợ đối với các khoản nợ phải thu theo Nghị quyết số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ-ATA ngày 19 tháng 01 năm 2018 của Đại Hội đồng cổ đông. Việc xóa các khoản nợ làm phát sinh một khoản chi chí tương ứng tác động đến kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	2017 VND	2016 VND
Doanh thu bán thành phẩm	-	14.182.176.187
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.059.946.697	46.579.335.272
Doanh thu cho thuê kho	1.624.000.000	-
Cộng	5.683.946.697	60.761.511.459

6.2 Giá vốn hàng bán

	2017 VND	2016 VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	-	6.196.033.465
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	7.289.349.053	43.895.416.312
Giá vốn cho thuê kho	2.507.163.252	-
Cộng	9.796.512.305	50.091.449.777

6.3 Chi phí tài chính

	2017 VND	2016 VND
Chi phí lãi vay	59.406.489.730	-
Dự phòng tổn thất đầu tư	-	29.264.358
Cộng	59.406.489.730	29.264.358

6.4 Chi phí bán hàng

	2017 VND	2016 VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	68.823.749
Chi phí bằng tiền khác	-	13.590.000
Cộng	-	82.413.749

6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2017 VND	2016 VND
Chi phí nhân viên	1.897.083.500	5.109.306.246
Chi phí đồ dùng văn phòng	315.151.617	513.821.973
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.457.517.263	340.219.990
Thuế, phí và lệ phí	805.766.960	811.028.696
Chi phí dự phòng	1.794.251.284	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.821.056	1.151.865.090
Chi phí bằng tiền khác	1.754.661.601	1.068.871.128
Cộng	8.029.253.281	8.995.113.123

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**6.6 Thu nhập khác**

	2017 VND	2016 VND
Thu tiền điện cho thuê	431.062.804	1.123.921.971
Thu nhập từ xử lý công nợ	28.024.090.689	478.080.919
Thu nhập từ thanh lý công cụ, nguyên liệu	-	75.189.090
Thu nhập khác	22.064.724	148.195.492
	28.477.218.217	1.825.387.472

(*) Công ty đã xóa các khoản nợ phải trả mà Công ty xác định là không còn nghĩa vụ phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, theo Nghị quyết số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ-ATA ngày 19 tháng 01 năm 2018 của Đại Hội đồng cổ đông.

6.7 Chi phí khác

	2017 VND	2016 VND
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	1.563.870.976	1.043.148.000
Xử lý công nợ (*)	116.038.547.074	630.422.389
Xử lý thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ	-	70.442.450
Chi phí thuê xe	800.000.000	-
Chi phí bồi thường hợp đồng	-	140.511.000
Phạt chậm nộp thuế	2.223.146.294	-
Chi phí khác	84.844.525	103.199.400
Cộng	120.710.408.869	1.987.723.239

(*) Giá trị còn lại chưa lập dự phòng của các khoản phải thu không có khả năng thu hồi mà Công ty đã xóa theo Nghị quyết số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ-ATA ngày 19 tháng 01 năm 2018 của Đại Hội đồng cổ đông.

6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	2017 VND	2016 VND
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty	(163.779.382.254)	1.476.046.412
Phân phối cho quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(163.779.382.254)	1.476.046.412
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông	11.999.998	11.999.998
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(13.648)	123
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính như sau:		
	2017	2016
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	11.999.998	11.999.998
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	11.999.998	11.999.998

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	2017 VND	2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	315.151.617	5.698.311.392
Chi phí nhân công	3.729.412.500	29.961.588.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.234.583.518	6.517.252.084
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.735.487.777	15.169.720.671
Chi phí khác	4.811.130.174	1.822.104.502
Cộng	17.825.765.586	59.168.976.649

7 NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**7.1 Công cụ tài chính**

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

với các khoản mục trên Bảng cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Tổng cộng
Ngày 31/12/2017			
<i>Giá trị ghi sổ:</i>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	111.983.306	-	111.983.306
Đầu tư tài chính	-	1.335.000.000	1.335.000.000
Phải thu khách hàng	6.443.338.378	-	6.443.338.378
Phải thu khác	851.091.456	-	851.091.456
<i>Trừ:</i>			
Dự phòng phải thu khó đòi	7.006.343.379	-	7.006.343.379
Dự phòng giảm giá đầu tư	-	1.335.000.000	1.335.000.000
Tổng cộng	400.069.761	-	400.069.761
Ngày 31/12/2017			
Phải trả người bán	8.142.590.575	-	8.142.590.575
Vay	324.824.798.044	-	324.824.798.044
Phải trả khác	630.115.546	-	630.115.546
Chi phí phải trả	161.691.631.437	-	161.691.631.437
Tổng cộng	495.289.135.602	-	495.289.135.602
Chênh lệch thanh khoản thuần	(494.889.065.841)	-	(494.889.065.841)
Ngày 01/01/2017			
<i>Giá trị ghi sổ:</i>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	706.681.689	-	706.681.689
Đầu tư tài chính	-	1.335.000.000	1.335.000.000
Phải thu khách hàng	155.990.967.027	-	155.990.967.027
Phải thu cho vay	10.480.000.000	-	10.480.000.000
Phải thu khác	5.048.844.459	307.979.796	5.048.844.459
<i>Trừ:</i>			
Dự phòng phải thu khó đòi	85.317.097.958	153.989.898	85.317.097.958
Dự phòng phải thu khó đòi	-	1.335.000.000	1.335.000.000
Tổng cộng	86.755.405.319	153.989.898	86.909.395.217
Ngày 01/01/2017			

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Phải trả người bán	10.257.597.470	-	10.257.597.470
Vay	324.824.798.044	-	324.824.798.044
Phải trả khác	24.009.012.371	-	24.009.012.371
Chi phí phải trả	102.285.141.707	-	102.285.141.707
Tổng cộng	461.376.549.592	-	461.376.549.592
Chênh lệch thanh khoản thuần	(374.621.144.273)	153.989.898	(374.467.154.375)

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là cao. Công ty khó có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Tài sản đảm bảo

Công ty không nắm giữ bất kỳ tài sản đảm bảo nào của bên thứ ba tại ngày 31 tháng 12 năm 2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

iv. Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

Bảng sau đây thể hiện tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Công ty:

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	31/12/2017		01/01/2017		31/12/2017	01/01/2017
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	111.983.306	-	706.681.689	-	111.983.306	706.681.689
Đầu tư tài chính dài hạn	1.335.000.000	(1.335.000.000)	1.335.000.000	(1.335.000.000)	-	-
Phải thu khách hàng	6.443.338.378	(6.421.407.153)	155.990.967.027	(79.557.343.841)	21.931.225	76.433.623.186
Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	-	10.480.000.000	(5.240.000.000)	-	5.240.000.000
Phải thu khác	851.091.456	(584.936.226)	5.048.844.459	(519.754.117)	266.155.230	4.529.090.342
Tổng cộng	8.741.413.140	(8.341.343.379)	173.561.493.175	(86.652.097.958)	400.069.761	86.909.395.217
						VND
Nợ phải trả tài chính						
Phải trả người bán	8.142.590.575	-	10.257.597.470	-	8.142.590.575	10.257.597.470
Vay và nợ ngắn hạn	324.824.798.044	-	324.824.798.044	-	324.824.798.044	324.824.798.044
Phải trả khác	630.115.546	-	24.009.012.371	-	630.115.546	24.009.012.371
Chi phí phải trả	161.691.631.437	-	102.285.141.707	-	161.691.631.437	102.285.141.707
Tổng cộng	495.289.135.602	-	461.376.549.592	-	495.289.135.602	461.376.549.592

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 01 tháng 01 năm 2017. Do Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

v. Phòng ngừa rủi ro

Công ty không áp dụng chính sách kế toán phòng ngừa rủi ro.

7.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

7.2.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	2017 VND	2016 VND
Thành viên Ban Tổng giám đốc	-	1.696.880.000
Bà Nguyễn Thị Dung		
<i>Mua nguyên liệu</i>	-	4.412.751.030
 Bà Huỳnh Thị Tuyết Trinh		
<i>Thuê xe</i>	400.000.000	-
Các cá nhân liên quan đến các thành viên chủ chốt		
Bà Đinh Thị Phương Thùy		
<i>Thuê xe</i>	400.000.000	-
 <i>Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt</i>		
	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Các cá nhân liên quan đến các thành viên chủ chốt		
Phải trả cho thuê xe	96.000.000	-
Cộng nợ phải trả	96.000.000	-
 Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:		
	2017 VND	2016 VND
Lương, thưởng	615.000.000	1.696.880.000



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

7.2.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Việt Nhật	Công ty có cùng quản lý cấp cao
Công ty Cổ phần Thu nợ Dân An – Chi nhánh Hồ Chí Minh	Công ty có cùng quản lý cấp cao

Trong năm, giao dịch với các công ty có liên quan của Công ty như sau:

	2017 VND	2016 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Việt Nhật		
Cho thuê xưởng	1.050.000.000	-
Công ty Cổ phần Thu nợ Dân An – Chi nhánh Hồ Chí Minh		
Thuê xe	318.181.818	-

Công nợ với các bên liên quan khác

Tại ngày kết thúc năm tài chính công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Việt Nhật		
Phải trả tiền thu hộ	482.230.000	-
Công ty Cổ phần Thu nợ Dân An – Chi nhánh Hồ Chí Minh		
Phải trả thuê xe	30.000.000	-
Cộng nợ phải trả	512.230.000	-

7.3 Thông tin bộ phận**7.3.1 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Trong năm, Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản, gia công. Do đó, Công ty không tiến hành lập báo cáo tài chính bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 "Báo cáo bộ phận".

7.3.2 Bộ phận theo khu vực địa lý

Trong năm, Công ty chủ yếu hoạt động tại Việt Nam. Do đó, Ban Tổng Giám đốc quyết định không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 "Báo cáo bộ phận".

7.4 Sự kiện phát sinh sau ngày kết năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày lập Bảng cân đối kế toán (ngày 31 tháng 12 năm 2017) cho đến thời điểm lập Báo cáo này, cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

7.5 Thông tin về hoạt động liên tục

Năm tài chính kết thúc, khoản lỗ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 581.016.318.662 VND. Ngoài ra tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn 495.692.888.898 VND. Các yếu tố này có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

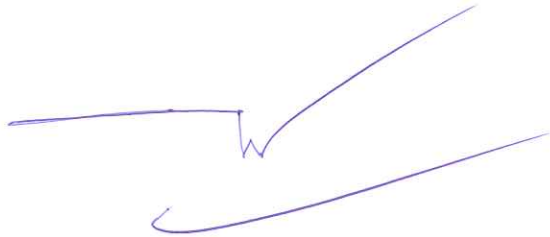
Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty đã nhận được kết quả Bán án sơ thẩm liên quan đến vụ kiện cho khoản vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh An Giang và Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam – Chi nhánh An Giang. Theo đó, Công ty phải có nghĩa vụ chi trả nợ gốc, lãi đến hạn và lãi quá hạn với tổng số tiền lần lượt là 40.417.466.700 VND và 3.086.295.981 VND.

Bên cạnh đó, tòa án tỉnh An Giang cũng đang thụ lý đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang về các khoản vay của Công ty tại ngân hàng này. Tuy nhiên, vẫn chưa có quyết định chính thức của tòa về thời gian giải quyết vụ kiện.

Các yếu tố trên làm nảy sinh sự hoài nghi về khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty trong tương lai. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã và đang xúc tiến kế hoạch kinh doanh mới, tìm kiếm khách hàng và thị trường mới. Bên cạnh đó, Công ty sẽ tái khởi động lại hoạt động gia công xuất khẩu cá phi-lê và duy trì việc cho thuê nhà xưởng nhân rồi để tạo nguồn thu thanh toán các nghĩa vụ nợ đến hạn. Công ty đã xây dựng phương án tái cấu trúc lại hoạt động và thương thảo với các ngân hàng để tái cơ cấu lại các khoản nợ vay để có thể đảm bảo cho hoạt động của Công ty trong tương lai. Theo đó, báo cáo tài chính kèm theo được lập trên giả định Công ty tiếp tục hoạt động liên tục.

An Giang, ngày 30 tháng 03 năm 2018



TRẦN MINH TRỌNG
Kế toán trưởng



NGUYỄN THANH SƠN
Chủ tịch Hội đồng quản trị

